TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ VANG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2019/HS-ST
Ngày: 28-02-2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Dân và bà Trần Thị Ngọc Nga.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Phương Hồng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2018/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Mai Văn D (Tên gọi khác: V); Sinh ngày 21/11/1988 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn L, sinh năm 1960 và bà Mai Thị L, sinh năm 1967; Vợ là Phan Thị Th, sinh năm 1993, con: Có 02 con (Lớn nhất sinh năm 2015; nhỏ nhất sinh năm 2018); Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

2. Phan Thị Th (Tên gọi khác: B); Sinh ngày 15/7/1993 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan X, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Đp, sinh năm 1970; Chồng là Mai Văn D, sinh năm 1988, con: Có 02 con (Lớn nhất sinh năm 2015; nhỏ nhất sinh năm 2018); Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

- Bị hại, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần Văn L, sinh năm 1960 và bà Mai Thị L, sinh năm 1967; Trú tại: huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; đều có mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1944; vắng mặt.

+ Bà Mai Thị T, sinh năm 1947; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1963; vắng mặt.

+ Chị Trần Mai Huyền M, sinh năm 1999; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để làm ăn nên tháng 3/2015, Mai Văn D và Phan Thị Th đứng tên hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Thừa Thiên Huế số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Việc vay tiền được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản của bà Mai Thị L. Sau khi vay tiền, D và Th đã lấy ra 30.000.000 đồng để sửa chữa quán nhậu, đồng thời thống nhất giao số tiền 120.000.000 đồng cho bà L cất giữ, quản lý. Sau đó vợ chồng D nhiều lần hỏi tiền để kinh doanh nhưng không được sự đồng ý của bố mẹ nên đầu tháng 12/2015 D nảy sinh ý định trộm cắp tiền của bà L. D lén lấy chìa khoá tủ quần áo trong phòng ngủ và chìa khoá tủ hàng tạp hoá của bà L đưa đi làm thêm mỗi loại một chìa rồi cất chìa khoá của bà L lại vị trí ban đầu. Khoảng 08 giờ 15 phút, ngày 17/12/2015, lợi dụng lúc bố là Trần Văn L (sinh năm 1960) chở bà L đi lên thành phố Huế mua quần áo, trong nhà không có ai, D nói với Th: *"lên phòng mẹ lấy trộm tiền của mẹ"* thì Th nói lại: *"anh lấy tiền làm gì, điên à, đừng nữa"* nhưng D vẫn đi thẳng lên tầng 02, vào phòng ngủ của bố mẹ, dùng chìa khóa đã làm từ trước, mở tủ đựng áo quần lấy trộm một cái thùng nhôm bên trong có số tiền 120.000.000 đồng là tiền vợ chồng D đã giao cho bà L quản lý, cất giữ và số vàng gồm: 10 nhẫn tròn trơn mỗi nhẫn một chỉ (trong đó có 04 chỉ là nhẫn cưới vợ chồng D gửi bà L giữ hộ từ trước), 06 sợi dây chuyền, 01 cái lắc và 07 khâu nhẫn có gắn đá trang trí. Sau đó D nói với Th điều khiển xe mô tô BKS 75H1-246.66 mang thùng nhôm đến cầu Thuận An đứng đợi D thì Th đồng ý. Sau khi Th đi, D lấy chìa khóa đã làm sẵn mở hộc tủ bán hàng tạp hóa lấy số tiền 7.000.000 đồng bỏ vào 01 túi ni lông màu đen, đi tiếp vào bếp lấy con dao nhọn và 01 cây kìm rồi điều khiển xe môtô BKS 75H4-2608 đi ra cầu Thuận An gặp Th. D lấy thùng nhôm từ Th và bảo Th chạy xe đi trước. D đứng một mình trên cầu dùng dao nhọn đâm thủng thùng nhôm, dùng kìm kéo tấm nhôm bị rách ra, lấy hết tiền để vào riêng 01 bì ni lông màu đen và lấy hết vàng để riêng 01 bì ni lông màu đen khác rồi vứt thùng nhôm, 02 chìa khóa, 01 cái kìm xuống phá Tam giang. Sau đó D chạy xe về nhà mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1970) cất dấu túi đựng vàng trong một chồng rổ nhựa để trước hiên nhà và cất dấu túi đựng tiền ở phía sau hè nhà, còn túi đựng tiền lấy ở hộc đựng hàng tạp hóa bị rớt mất ở đâu D không biết. Đến khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, ông L và bà L về đến nhà phát hiện mất tài sản nên trình báo Cơ quan Công an. Trong khi Công an đang điều tra thì tối ngày 18/12/2015 D và Th tự nhận với cha mẹ, đồng thời mang tiền và vàng trả lại, khi nhận lại đủ số tài sản bị trộm cắp thì bà L đã lấy ra số tiền 10.000.000 đồng cho bà Mai Thị T (sinh năm 1947) ở cùng thôn mượn. Đến sáng ngày 19/12/2015, D và Th đến tự thú với cơ quan công an, đồng thời giao nộp toàn bộ số vàng nói trên và số tiền 110.000.000 đồng còn lại.

Tại bản kết luận giám định số: 08/TB-TĐC, ngày 08/01/2016 của Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng khoa học và công nghệ Quảng Trị, kết luận:

" - 10 nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng mỗi chiếc 01 chỉ, hàm lượng vàng từ 99,60 đến 99,99%;

- 01 lắc đeo tay màu vàng khối lượng 5,05 chỉ, hàm lượng vàng 61,00%;

- 01 nhẫn mặt vuông gắn đá màu đỏ khối lượng 0,6 chỉ, hàm lượng vàng 46,90%;

- 01 nhẫn mặt vuông gắn đá màu đỏ khối lượng 1,35 chỉ, hàm lượng vàng 47,22%;

- 01 nhẫn dài gắn đá màu xanh khối lượng 0,6 chỉ, hàm lượng vàng 49,23%;

- 01 nhẫn xoài gắn đá màu tím khối lượng 0,6 chỉ, hàm lượng vàng 45,19%;

- 01 nhẫn vuông gắn 12 viên đá màu trắng khối lượng 0,45 chỉ, hàm lượng vàng 47,17%;

- 01 nhẫn xoài gắn đá màu trắng khối lượng 0,6 chỉ, hàm lượng vàng 43,03%;

- 01 nhẫn xoàn gắn đá màu trắng khối lượng 0,7 chỉ, hàm lượng vàng 47,63%;

- 01 dây chuyền tượng phật đá màu trắng khối lượng 3,28 chỉ, hàm lượng vàng 52,68%;

- 01 dây chuyền tượng phật vàng khối lượng 2,8 chỉ, hàm lượng vàng 61,71%;

- 01 dây chuyền tượng mèo khối lượng 2,3 chỉ, hàm lượng vàng 66,12%;

- 01 dây chuyền xoắn thường khối lượng 1,6 chỉ, hàm lượng vàng 45,65%;

- 01 dây chuyền tượng trái tim khối lượng 1,5 chỉ, hàm lượng vàng 47,49%;

- 01 dây chuyền tượng sao biển khối lượng 0,65 chỉ, hàm lượng vàng 68,50%."

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 42/KL-HĐĐG, ngày 13/09/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Vang, kết luận:

" - 10 chỉ loại 99,60 đến 99,99% vàng có giá 30.230.000 đồng;

- 5,05 chỉ loại 61,00% vàng có giá 9.070.810 đồng;

- 0,6 chỉ loại 46,90% vàng có giá 773.460 đồng;

- 1,35 chỉ loại 47,22% vàng có giá 1.740.285 đồng;

- 0,6 chỉ loại 49,23% vàng có giá 773.460 đồng;

- 0,6 chỉ loại 45,19% vàng có giá 773.460 đồng;

- 0,45 chỉ loại 47,17% vàng có giá 580.095 đồng;

- 0,6 chỉ loại 43,03% vàng có giá 773.460 đồng;

- 0,7 chỉ loại 47,63% vàng có giá 902.370 đồng;

- 3,28 chỉ loại 52,68% vàng có giá 5.891.536 đồng;

- 2,8 chỉ loại 61,71% vàng có giá 5.029.360 đồng;

- 2,3 chỉ loại 66,12% vàng có giá 4.131.260 đồng;

- 1,6 chỉ loại 45,65% vàng có giá 2.062.560 đồng;

- 1,5 chỉ loại 47,49% vàng có giá 1.933.650 đồng;

- 0,65 chỉ loại 68,50% vàng có giá 1.167.530 đồng.

Trị giá là 65.833.296 đồng (Sáu mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi ba ngàn, hai trăm chín mươi sáu đồng".

Như vậy tổng giá trị tài sản mà D chiếm đoạt là 192.833.296 đồng, trong đó được sự giúp sức của Phan Thị Th để chiếm đoạt 185.833.296 đồng.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng;**

- Số tiền 110.000.000 đồng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành;

- 10 nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng mỗi chiếc 01 chỉ, hàm lượng vàng từ 99,60 đến 99,99 (trong đó có 04 chỉ là nhẫn cưới vợ chồng D gửi bà L giữ hộ từ trước);

- 01 lắc đeo tay màu vàng khối lượng 5,05 chỉ, hàm lượng vàng 61,00%;

- 01 nhẫn mặt vuông gắn đá màu đỏ khối lượng 0,6 chỉ, hàm lượng vàng 46,90%;

- 01 nhẫn mặt vuông gắn đá màu đỏ khối lượng 1,35 chỉ, hàm lượng vàng 47,22%;

- 01 nhẫn dài gắn đá màu xanh khối lượng 0,6 chỉ, hàm lượng vàng 49,23%;

- 01 nhẫn xoài gắn đá màu tím khối lượng 0,6 chỉ, hàm lượng vàng 45,19%;

- 01 nhẫn vuông gắn 12 viên đá màu trắng khối lượng 0,45 chỉ, hàm lượng vàng 47,17%;

- 01 nhẫn xoài gắn đá màu trắng khối lượng 0,6 chỉ, hàm lượng vàng 43,03%;

- 01 nhẫn xoàn gắn đá màu trắng khối lượng 0,7 chỉ, hàm lượng vàng 47,63%;

- 01 dây chuyền tượng phật đá màu trắng khối lượng 3,28 chỉ, hàm lượng vàng 52,68%;

- 01 dây chuyền tượng phật vàng khối lượng 2,8 chỉ, hàm lượng vàng 61,71%;

- 01 dây chuyền tượng mèo khối lượng 2,3 chỉ, hàm lượng vàng 66,12%;

- 01 dây chuyền xoắn thường khối lượng 1,6 chỉ, hàm lượng vàng 45,65%;

- 01 dây chuyền tượng trái tim khối lượng 1,5 chỉ, hàm lượng vàng 47,49%;

- 01 dây chuyền tượng sao biển khối lượng 0,65 chỉ, hàm lượng vàng 68,50%.”

- 01 xe mô tô BKS 75H4-2608, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xanh, số khung 3YA-007557, số máy 5VT1-07557.

Hiện Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Vang đã trả lại cho các chủ sở hữu và quản lý tài sản trên.

- 01 xe môtô BKS 75H1-246.66, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng, số khung RLHJF421XDY078146, số máy JF42E-078203; 01 giấy đăng ký xe môtô 75H1-246.66 mang tên Mai Văn D là tài sản thuộc quền sở hữu của ông Trần Văn L và bà Mai Thị L. Căn cứ theo bản án hình sự Phúc thẩm số: 104/2016/HSPT, ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang đã trả lại cho ông L và bà L.

- 01 con dao dài 30,4cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 16cm, mũi dao nhọn, cán dao dài 14,4cm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang đã tiến hành tiêu hủy theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2016/HSST, ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang.

Riêng các vật chứng bao gồm: một thùng nhôm để đựng tài sản bị trộm cắp của bị hại, 02 chìa khóa và 01 cái kìm dùng gây án của các bị can, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

Về dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu bồi thường về dân sự đồng thời làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị can.

Quá trình giải quyết vụ án:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2016/HSST ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang đã quyết định:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; các điểm b, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mai Văn D 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; các điểm b, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thị Th 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Thị Th cho Ủy ban nhân dân thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế giáo dục, giám sát trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/7/2016, bị cáo Mai Văn D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 15/7/2016, bị cáo Mai Văn D có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo và cho nhận lại chiếc xe

môtô BKS 75H1-246.66 mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Ngày 08/7/2016, người bị hại là ông Trần Văn L và bà Mai Thị L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Mai Văn D và xin nhận lại chiếc xe môtô BKS 75H1-246.66 hiện đang bị tạm giữ vì chiếc xe này ông bà bỏ tiền ra mua và Mai Văn D chỉ là người đứng tên.

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 104/2016/HSPT ngày 19/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Mai Văn D và người bị hại ông Trần Văn L và bà Mai Thị L, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; các điểm b, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mai Văn D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Tuyên bố trả lại cho ông Trần Văn L và bà Mai Thị L 01 xe mô tô BKS 75H1-246.66, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng, số khung RLHJF421XDY078146, số máy JF42E-078203; 01 giấy đăng ký xe môtô 75H1-246.66 mang tên Mai Văn D.

- Tại Quyết định Giám đốc thẩm số: 28/2017/HS-GĐT ngày 03/7/2017, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng đã hủy bản án hình sự phúc thẩm số 104/2016/HSPT ngày 19/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2016/HSST ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang để điều tra lại theo thủ tục chung.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2017/HSST ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang đã quyết định:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; các điểm b, o, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mai Văn D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; các điểm b, o, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thị Th 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Thị Th cho Ủy ban nhân dân thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế giáo dục, giám sát trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/12/2017, bị cáo Mai Văn D có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tách 120.000.000 đồng mà vợ chồng bị cáo vay để làm ăn trong tang số chung mà các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm quy kết cho bị cáo vì tài sản này

là của vợ chồng bị cáo để chung tủ với bố mẹ chứ không phải gửi cho bố mẹ; đồng thời đề nghị Tòa án cho bị cáo được hưởng án treo.

- Tại Bản án phúc thẩm số: 62/2018/HS-PT ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; các điểm b, c khoản 1, khoản 5 Điều 358; khoản 1 Điều 360 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2017/HSST ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế để tiến hành tố tụng lại từ giai đoạn điều tra.

Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 14/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Mai Văn D, Phan Thị Th về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mai Văn D, Phan Thị Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Mai Văn D từ 15 đến 18 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Phan Thị Th từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Vang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang xử lý trả lại cho chủ sở hữu. Nhận thấy việc xử lý vật chứng đúng với quy định của pháp luật nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Trần Văn L và bà Mai Thị L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Mai Văn D và Phan Thị Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 15 phút, ngày 17/12/2015, Mai Văn D và Phan Thị Th đã lén lút lấy trộm số tiền và vàng trị giá 185.833.296 đồng để ở tủ đựng áo quần trong phòng ngủ của của ông Trần Văn L và bà Mai Thị L. Ngoài ra, D còn lén lút lấy trộm số tiền 7.000.000 đồng ở tủ hàng tạp hóa của bà L.

Theo quy định tại Điều 158 của Bộ luật dân sự thì Quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản của chủ sở hữu theo quy định của luật và điểm b khoản 1 Điều 165 quy định về chiếm hữu có căn cứ pháp luật trong trường hợp người được chủ sở hữu ủy quyền quản lý tài sản.

Trong tổng số tiền và vàng trị giá 185.833.296 đồng mà bà Mai Thị L cất giữ thì có 120.000.000 đồng là tiền của D và Th vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Thừa Thiên Huế và 04 chỉ vàng trị giá 12.092.000 đồng là vàng cưới của hai vợ chồng đã thống nhất giao cho bà L cất giữ, quản lý. Vì vậy, tổng số tiền và vàng trị giá 185.833.296 đồng mà bà Mai Thị L quản lý thuộc quyền sở hữu của bà Mai Thị L.

Do đó, tổng giá trị tài sản Mai Văn D chiếm đoạt là 192.833.296 đồng, Phan Thị Th giúp sức chiếm đoạt là 185.833.296 đồng.

Hành vi nêu trên của Mai Văn D và Phan Thị Th đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố Mai Văn D và Phan Thị Th về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Mai Văn D và Phan Thị Th thì thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ và làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; tự thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.Tuy nhiên các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[4] Về biện pháp chấp hành hình phạt:

- Đối với bị cáo Mai Văn D: Xét thấy tính chất mức độ hành vi của bị cáo Mai Văn D rất táo bạo, nguy hiểm cho xã hội, mặc dù bị cáo Phan Thị Th đã can ngăn nhưng D vẫn cố tình chiếm đoạt tài sản để trong tủ của mẹ mình là bà Mai Thị L. Ngoài ra, D còn lén lút lấy trộm số tiền 7.000.000 đồng ở tủ hàng tạp hóa của bà L. Hiện nay, tình hình trộm cắp tại địa phương xảy ra nhiều nên cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng chống tội phạm ở địa phương.

- Đối với bị cáo Phan Thị Th: Xét thấy, bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng nào, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, cùng với việc tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội là không cần thiết mà cần áp dụng thêm Điều 65 để cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Vang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang xử lý trả lại cho chủ sở hữu, hiện không còn vật chứng gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại là ông Trần Văn L và bà Mai Thị L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Mai Văn D và Phan Thị Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Mai Văn D 01(một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Phan Thị Th 01(một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Thị Th cho Ủy ban nhân dân thị trấn Thuận An, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế giáo dục, giám sát trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho

hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Vang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang xử lý trả lại cho chủ sở hữu, hiện không còn vật chứng gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại là ông Trần Văn L và bà Mai Thị L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Mai Văn D và Phan Thị Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TT-Huế;*
- *VKSND tỉnh TT-Huế;*
- *VKSND huyện Phú Vang;*
- *Công an huyện Phú Vang;*
- *Chi cục THADS huyện Phú Vang;*
- *Sở Tư pháp;*
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hương Lan